

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Út;

Ông Phạm Hoàng Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1966 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh H, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2019, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà N và ông H kết hôn với nhau vào năm 1990, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng đến nay không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong cuộc sống vợ chồng mấy năm gần đây không hợp nhau, thường nảy sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên hôn nhân không hạnh phúc. Nay bản thân cảm thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con tên Lê Chí C, sinh năm 1991 (nam), Lê Thúy H, sinh năm 1995 (nữ) và Lê Ý N, sinh năm 1998 (nữ), hiện các con đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Lê Minh H:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà N. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông H không tham gia.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, ngoài ra không có yêu cầu gì khác; Bị đơn vắng mặt tại phiên xét xử nên cũng không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Minh H đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà N và ông H chung sống với nhau từ năm 1990 trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian đầu chung sống với nhau thì hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng bà N và ông H có những mâu thuẫn không tự giải quyết được, nguyên nhân theo trình bày của bà N là do ông H sống không chung thủy một vợ một chồng mà có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên thường phát sinh mâu thuẫn cự cãi rồi đánh nhau dẫn đến hôn nhân không đạt được hạnh phúc như mong muốn cho nên bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H.

Xét thấy, bà N và ông H chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà N và ông H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có

chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà N phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị N và ông Lê Minh H.

[2] Về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà N phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà N có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0016453 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo